

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM AN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM AN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN VIET PHARMACEUTICAL TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN VIET PT.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108729341

**3. Ngày thành lập:** 07/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 1, Hẻm 193/192/26 Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4772(Chính) |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm tuân thủ)  | 4610        |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                        | 4620        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                  | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                              | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                             | 4669        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                             | 4690        |
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                      | 4722        |
| 10. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm đấu giá)                                                            | 4791        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động                                                                                                                                                                                                                                   | 4799 |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7020 |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán trang thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659 |
| 17. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3250 |
| 18. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm<br>Chi tiết: Trồng và khai thác chế biến dược liệu làm thuốc;                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0128 |
| 19. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1079 |
| 20. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2100 |
| 21. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Kinh doanh dịch vụ thử thuốc trên lâm sàng;<br>Kinh doanh dịch vụ thử tương đương sinh học của thuốc;<br>Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc. | 8699 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN ANH TUẤN   | TDP Văn Trì 4, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | 500.000.000           | 50,000    | 008089000085                                                                                                                                      |         |
| 2   | PHẠM QUANG VIỆT | Thôn 1, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | 500.000.000           | 50,000    | 001081008437                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 008089000085

Ngày cấp: 07/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP Văn Trì 4, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TDP Văn Trì 4, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội